

BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HỌC LIỆU TIẾNG ANH MỞ CÓ SỰ HỖ TRỢ CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: TIẾP CẬN QUẢN TRỊ VỚI SỰ THAM GIA CỦA CON NGƯỜI

Vũ Thị Yến Nga¹

Email: ngavyt@apag.edu.vn. ORCID: 0009-0000-5558-7425

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/07/2026

Ngày hoàn thành đánh giá: 05/10/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/10/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1486

Tóm tắt: Nghiên cứu đề xuất khung quản trị bảo đảm chất lượng học liệu tiếng Anh mở có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục đại học, tập trung vào yêu cầu chất lượng, điểm kiểm soát và trách nhiệm của con người theo vòng đời học liệu. Nghiên cứu kết hợp tổng hợp tài liệu tích hợp với phân tích nội dung định hướng nhằm hệ thống hóa bằng chứng về chất lượng tài nguyên giáo dục mở, rủi ro AI và vai trò con người. Kết quả xác định năm phương diện chất lượng: tính mở và hợp pháp; học thuật và nội dung; sư phạm; ngôn ngữ và văn hóa; tiếp cận và sử dụng, cùng lớp rủi ro AI xuyên suốt. Từ đó, nghiên cứu đề xuất khung quản trị gồm bảy giai đoạn, các điểm kiểm soát và ba chức năng của con người: kiểm tra, thẩm định và thẩm quyền quyết định; đồng thời nhấn mạnh quản trị dựa trên rủi ro, phân định trách nhiệm, truy nguyên và cải tiến liên tục. Khung mới ở cấp độ khái niệm và cần được kiểm định thực nghiệm.

Từ khóa: bảo đảm chất lượng, giáo dục đại học, học liệu tiếng Anh mở, trí tuệ nhân tạo, quản trị giáo dục

I. Đặt vấn đề

Sự phát triển của giáo dục mở trong môi trường số đang thay đổi cách học liệu được tạo lập, chia sẻ và tái sử dụng trong giáo dục đại học (GDĐH). Tài nguyên giáo dục mở (OER) thuộc phạm vi công cộng hoặc được cung cấp theo giấy phép mở, cho phép tiếp cận, tái sử dụng và điều chỉnh theo những điều kiện xác định. Vì vậy, cần bảo đảm chất

lượng OER xuyên suốt vòng đời, không chỉ trước khi công bố.

AI tạo sinh mở rộng khả năng tạo lập và điều chỉnh học liệu, nhưng đặt ra vấn đề về độ tin cậy, chất lượng ngôn ngữ và xu hướng thiên về các chuẩn tiếng Anh thống trị (Lee và cộng sự, 2025). Vì vậy, chất lượng không chỉ phụ thuộc vào độ chính xác hay trôi chảy của đầu ra AI mà còn vào trình độ người học, mục tiêu sư

¹ Học viện Hành chính và Quản trị công, Hà Nội, Việt Nam

phạm, cách sử dụng ngôn ngữ, bối cảnh văn hóa và điều kiện pháp lý.

Các nghiên cứu cung cấp cơ sở cho những yêu cầu này. Huang và cộng sự (2025) cho thấy chất lượng tài nguyên giáo dục số do AI tạo ra có tính đa chiều; Baas và cộng sự (2022) cho thấy đánh giá OER phụ thuộc vào mục đích, người sử dụng và bối cảnh. Các công trình khác đề cập chất lượng và vòng đời OER, rủi ro AI, vai trò con người trong kiểm soát AI, cùng yêu cầu ngôn ngữ và văn hóa trong giáo dục tiếng Anh. Tuy nhiên, trong phạm vi tài liệu đối chiếu, chưa nhận diện được khung tích hợp các yêu cầu chất lượng, rủi ro AI, vòng đời học liệu và thẩm quyền của con người đối với học liệu tiếng Anh mở có AI hỗ trợ trong GDDH.

Vấn đề này có ý nghĩa với GDDH Việt Nam. Nguyen và cộng sự (2022) chỉ ra trở ngại về bản quyền, giấy phép mở, lựa chọn và điều chỉnh OER; Lê (2026) đề xuất hướng tiếp cận 5A-OER để tích hợp AI vào học liệu ngoại ngữ mở. Nghiên cứu tập trung vào điểm kiểm soát, chức năng, thẩm quyền và khả năng truy nguyên trách nhiệm của con người. Đóng góp là tích hợp yêu cầu chất lượng, rủi ro AI, vòng đời học liệu và trách nhiệm con người vào một cấu trúc quản trị thống nhất.

Nghiên cứu đề xuất khung quản trị bảo đảm chất lượng học liệu tiếng Anh mở có AI hỗ trợ trong GDDH, với ba câu hỏi: (1) Những phương diện chất lượng nào cần được bảo đảm? (2) Con người cần tham gia ở giai đoạn nào, với chức năng, trách nhiệm và thẩm quyền gì? (3) Cơ chế quản trị nào chuyển các yêu cầu chất lượng và trách nhiệm của con người thành quy trình có tính hệ thống, truy nguyên và cải tiến liên tục?

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Tài nguyên giáo dục mở và bảo đảm chất lượng

Tài nguyên giáo dục mở (OER) phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu, thuộc phạm vi công cộng hoặc được phát hành theo giấy phép mở cho phép tiếp cận, tái sử dụng và điều chỉnh trong những điều kiện xác định. Vì vậy, tính mở không nằm ở việc tài liệu được số hóa mà ở quyền tiếp cận, tái sử dụng và điều chỉnh (Wiley và Hilton, 2018).

Tính mở không đồng nghĩa với chất lượng. Chất lượng OER cần được xem xét theo vòng đời, từ tạo lập, đánh giá, công bố đến sử dụng, điều chỉnh, tái sử dụng và cải tiến (Camilleri và cộng sự, 2014; UNESCO, 2019). Baas và cộng sự (2022) cho thấy việc đánh giá phụ thuộc vào nội dung, thiết kế, khả năng sử dụng và bối cảnh. Do đó, chất lượng gắn với mục đích và bối cảnh sử dụng, không chỉ là thuộc tính nội tại (UNESCO và Commonwealth of Learning, 2015).

Với học liệu tiếng Anh, chất lượng còn liên quan đến độ chính xác ngôn ngữ, trình độ người học, mục tiêu giao tiếp, ngữ cảnh và sự phù hợp văn hóa. Tài nguyên chính xác vẫn có thể không phù hợp nếu vượt trình độ hoặc không đáp ứng chuẩn đầu ra. Nghiên cứu xem tính đặc thù của học liệu tiếng Anh là việc cụ thể hóa yêu cầu chất lượng theo trình độ, mục tiêu giao tiếp, ngữ dụng và văn hóa, gắn với vòng đời và trách nhiệm của các chủ thể.

2.2. Học liệu tiếng Anh có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo

AI tạo sinh hỗ trợ hình thành ý tưởng, tạo bản nháp, ví dụ, bài tập, điều chỉnh độ khó và tái cấu trúc học liệu. Với

OER, các khả năng này hỗ trợ điều chỉnh và tái sử dụng tài nguyên nhưng cũng làm tăng yêu cầu bảo đảm chất lượng. Huang và cộng sự (2025) cho thấy tài nguyên giáo dục số có AI tham gia cần được đánh giá đa chiều, gồm độ chính xác, tính xác thực, tính hợp pháp và mức độ phù hợp.

Trong giáo dục tiếng Anh, Crompton và cộng sự (2024) ghi nhận hạn chế của AI về độ tin cậy và chất lượng ngôn ngữ; Lee và cộng sự (2025) lưu ý xu hướng hướng tới các chuẩn tiếng Anh chi phối, đặt ra vấn đề về đa dạng ngôn ngữ, ngữ cảnh và sự phù hợp văn hóa. Vì vậy, đầu ra trôi chảy chưa chắc đáp ứng yêu cầu về trình độ, mục tiêu giao tiếp, ngôn ngữ và văn hóa.

Trong nghiên cứu này, *‘học liệu do AI tạo ra’* là học liệu mà AI trực tiếp tạo một phần đáng kể nội dung; *‘học liệu có sự hỗ trợ của AI’* là học liệu được phát triển với AI ở một hoặc một số công đoạn, trong khi con người chịu trách nhiệm lựa chọn, thẩm định và quyết định sử dụng sản phẩm cuối cùng. Đây là phân biệt phục vụ phân tích, không phải định nghĩa chuẩn hóa từ một nguồn đơn lẻ.

Phân biệt này quan trọng vì mức kiểm soát phụ thuộc vào mức AI tham gia, tính chất nhiệm vụ, khả năng sai sót và hậu quả quyết định. Gợi ý tham khảo khác với nội dung chính thức của học phần, tài liệu đánh giá hay OER công bố rộng rãi. Do đó, cần chuyển từ câu hỏi *‘đầu ra có tốt không?’* sang *‘yêu cầu chất lượng được kiểm soát ở đâu, khi nào và bởi ai?’*.

2.3. Vai trò và trách nhiệm của con người trong kiểm soát chất lượng

Khi AI tham gia phát triển học liệu, quản trị cần làm rõ ai chịu trách nhiệm và ai có thẩm quyền quyết định tại các điểm

ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng. Học liệu tiếng Anh mở có thể liên quan đến nội dung học thuật, sự phạm, ngôn ngữ, văn hóa, bản quyền và điều kiện tái sử dụng.

Memarian và Doleck (2024) cho thấy con người có thể tham gia vào hệ thống AI giáo dục ở nhiều vị trí; trong giáo dục ngôn ngữ, Ji và cộng sự (2023) và Jeon và Lee (2023) nhấn mạnh vai trò của giáo viên trong lựa chọn, đánh giá, điều chỉnh và tích hợp AI vào thực hành sự phạm.

Nghiên cứu phân biệt ba chức năng: (1) kiểm tra, phát hiện lỗi hoặc vấn đề; (2) thẩm định, đánh giá theo yêu cầu chuyên môn; và (3) thẩm quyền quyết định, phê duyệt, yêu cầu sửa đổi hoặc từ chối trong phạm vi trách nhiệm được giao. Đây là cấu trúc khái niệm do nghiên cứu đề xuất, không phải các cấp độ tuần tự; nó làm rõ ai kiểm tra, ai chịu trách nhiệm chuyên môn và ai quyết định.

Miao và Holmes (2023) nhấn mạnh vai trò con người, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong sử dụng AI giáo dục, cho thấy ứng dụng AI cần gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm.

2.4. Khung phân tích của nghiên cứu

Từ tổng hợp nghiên cứu về OER, AI trong giáo dục ngôn ngữ và vai trò con người, nghiên cứu xác định khoảng trống về liên kết giữa yêu cầu chất lượng, rủi ro AI, vòng đời học liệu và trách nhiệm, thẩm quyền của con người. Khung đề xuất tích hợp các thành phần này theo hướng quản trị dựa trên rủi ro, gồm năm phương diện chất lượng, vòng đời học liệu, ba chức năng của con người và lớp rủi ro AI xuyên suốt. Khung chưa được kiểm định thực nghiệm.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp tổng hợp tài liệu tích hợp và phân tích nội dung định hướng nhằm hệ thống hóa bằng chứng về chất lượng, rủi ro AI và vai trò con người trong bảo đảm chất lượng học liệu tiếng Anh mở. Tổng hợp tích hợp cho phép đối chiếu các nguồn (Whittemore và Knafl, 2005); phân tích nội dung định hướng dùng mã ban đầu từ cơ sở lý thuyết và điều chỉnh trong quá trình phân tích (Hsieh và Shannon, 2005). Cách tiếp cận phù hợp với mục tiêu xây dựng khung theo vòng đời, không nhằm đo tác động của công cụ AI hay kiểm định mô hình thực nghiệm.

3.1. Nguồn dữ liệu và tiêu chí lựa chọn

Nguồn phân tích gồm văn kiện UNESCO và UNESCO/Commonwealth of Learning về giáo dục mở, bảo đảm chất lượng và AI có trách nhiệm, cùng công trình học thuật thuộc năm nhóm: (i) chất lượng OER; (ii) học liệu có AI hỗ trợ và do AI tạo ra; (iii) vai trò con người trong kiểm soát AI giáo dục; (iv) AI trong giáo dục tiếng Anh và ngôn ngữ; (v) OER, AI và phát triển học liệu trong GDĐH Việt Nam. Tập dữ liệu gồm 16 nguồn liên quan trực tiếp đến ba câu hỏi nghiên cứu.

Nguồn được chọn theo bốn tiêu chí: (1) liên quan trực tiếp đến câu hỏi nghiên cứu; (2) cung cấp bằng chứng hoặc nguyên tắc xây dựng khung; (3) có nguồn xuất bản xác minh được; và (4) có cơ sở lý luận, phương pháp hoặc lập luận phù hợp.

3.2. Quy trình phân tích

Phân tích được thực hiện qua bốn bước:

Thứ nhất, trích xuất bằng chứng: lập bảng các nguồn theo năm nội dung gồm yêu cầu chất lượng, rủi ro/hạn chế của AI, vai trò con người, giai đoạn vòng đời và cơ chế quản trị; các nhận định chính được truy nguyên về nguồn để phân biệt bằng chứng với diễn giải.

Thứ hai, tác giả mã hóa định hướng trên bảng mã xây dựng từ khung phân tích và câu hỏi nghiên cứu. Các miền ban đầu gồm: tính mở và hợp pháp; học thuật và nội dung; phù hợp sư phạm; ngôn ngữ và văn hóa; tiếp cận và sử dụng; rủi ro AI; vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm con người. Mã được điều chỉnh khi cần.

Thứ ba, đối chiếu mã giữa các nhóm nguồn để nhận diện điểm hội tụ, khác biệt và yêu cầu phụ thuộc bối cảnh, sau đó lập bản đồ theo các giai đoạn vòng đời học liệu.

Thứ tư, đối chiếu yêu cầu chất lượng với tính chất, khả năng xảy ra và hệ quả của rủi ro để xác định mức độ tham gia của con người và ba chức năng: kiểm tra, thẩm định, thẩm quyền quyết định.

3.3. Bảo đảm tính chặt chẽ và khả năng truy nguyên

Tính chặt chẽ dựa trên bốn nguyên tắc: (1) xác định trước tiêu chí chọn nguồn; (2) truy nguyên nhận định về nguồn; (3) đối chiếu bằng chứng giữa các nhóm tài liệu; và (4) phân biệt bằng chứng với diễn giải. Các cấu trúc hình thành từ đối chiếu nhiều nguồn là kết quả tổng hợp, chưa được kiểm định thực nghiệm. Việc một tác giả mã hóa mà không kiểm định liên mã hóa là giới hạn cần lưu ý.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Các phương diện chất lượng và rủi ro cần kiểm soát

Bảng 1. Các phương diện chất lượng và rủi ro cần kiểm soát

Phương diện	Yêu cầu cần bảo đảm	Rủi ro/vấn đề cần xem xét
Tính mở và hợp pháp	Nguồn gốc, bản quyền, giấy phép mở, ghi nhận nguồn và điều kiện tái sử dụng, điều chỉnh, phân phối	Nguồn không rõ; sử dụng hoặc biến đổi nội dung không phù hợp với giấy phép
Học thuật và nội dung	Độ chính xác, xác thực, đầy đủ, cập nhật và phù hợp chuyên môn	Thông tin sai hoặc lỗi thời; suy diễn; nguồn không xác thực
Sự phạm	Phù hợp với chuẩn đầu ra, trình độ người học, mục tiêu, hoạt động và đánh giá	Nội dung đúng nhưng không phù hợp mục tiêu, trình độ hoặc tiến trình học tập
Ngôn ngữ và văn hóa	Độ chính xác ngôn ngữ, trình độ, ngữ dụng, phong cách và sự phù hợp văn hóa	Ngôn ngữ thiếu tự nhiên; thiên lệch; diễn đạt không phù hợp ngữ cảnh hoặc văn hóa
Tiếp cận và sử dụng	Khả năng tiếp cận, đọc hiểu, sử dụng và điều chỉnh	Định dạng, độ khó hoặc cách trình bày gây trở ngại cho một số người học
Lớp rủi ro AI	Minh bạch, truy nguyên, tính nhất quán và nhận diện giới hạn của AI	Thông tin bịa đặt, thiên lệch, không nhất quán, nguồn gốc không rõ hoặc phụ thuộc quá mức vào đầu ra AI

Độ chính xác không đủ bảo đảm chất lượng. Học liệu đúng vẫn có thể không phù hợp với chuẩn đầu ra, trình độ, mục tiêu học phần, bối cảnh giao tiếp hoặc giấy phép mở; đầu ra trôi chảy cũng chưa chắc phù hợp về ngữ dụng và văn hóa. Crompton và cộng sự (2024) chỉ ra vấn đề về độ tin cậy, chất lượng ngôn ngữ và khuynh hướng ưu tiên một số chuẩn tiếng Anh. Vì vậy, thẩm định cần xét trình độ, mục tiêu giao tiếp, ngữ cảnh văn hóa và định hướng chương trình, không chỉ độ trôi chảy.

4.2. Từ yêu cầu chất lượng đến các điểm kiểm soát trong vòng đời

Nghiên cứu tổ chức vòng đời học liệu thành bảy giai đoạn: Xác định nhu cầu → Tạo lập/điều chỉnh với AI → Thẩm định → Phê duyệt và công bố → Sử dụng → Phản hồi và giám sát → Cải tiến và tái thẩm định.

Công bố không kết thúc quá trình bảo đảm chất lượng: học liệu mở tiếp tục được sử dụng, điều chỉnh, tái sử dụng và

phân phối, nên vấn đề mới có thể phát sinh trong quá trình sử dụng hoặc sau khi thay đổi.

Điểm kiểm soát chất lượng là thời điểm yêu cầu chất lượng được xem xét trước khi học liệu chuyển giai đoạn hoặc tiếp tục được sử dụng. Mỗi điểm cần xác định yêu cầu, rủi ro, chức năng của con người và chủ thể có thẩm quyền quyết định.

Cách tiếp cận này chuyển trọng tâm từ đánh giá sản phẩm tại một thời điểm sang quản trị quá trình, làm rõ trách nhiệm và cách xử lý khi yêu cầu không được đáp ứng.

4.3. Sự tham gia và quyền quyết định của con người theo mức độ rủi ro

Không nên áp dụng cùng một mức kiểm soát cho mọi đầu ra AI. Mức độ tham gia của con người cần tương ứng với tính chất nhiệm vụ, khả năng xảy ra sai sót và hậu quả của quyết định. Từ tổng hợp nghiên cứu về sự tham gia của con người trong kiểm soát AI, nghiên cứu đề xuất ba chức năng sau:

Bảng 2. Chức năng và quyền quyết định của con người

Chức năng	Nội dung	Kết quả có thể xảy ra
Kiểm tra	Phát hiện lỗi, thiếu sót hoặc vấn đề cần xem xét	Tiếp tục; xử lý; chuyển thẩm định
Thẩm định	Đánh giá theo tiêu chí chuyên môn	Chấp nhận; sửa đổi; đánh giá bổ sung
Thẩm quyền quyết định	Quyết định trong phạm vi trách nhiệm được giao	Phê duyệt; yêu cầu sửa đổi; từ chối

Ba chức năng không phải các cấp độ tuần tự: người thẩm định có thể không có quyền phê duyệt, còn người quyết định có thể dựa vào thẩm định của chủ thể khác. Trọng tâm không phải con người kiểm tra mọi thứ mà là duy trì phán đoán và quyền quyết định tại các điểm mà sai sót có thể ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng học tập, trách nhiệm học thuật hoặc pháp lý.

4.4. Khung quản trị bảo đảm chất lượng theo vòng đời

Từ kết quả tổng hợp và đối sánh, nghiên cứu đề xuất khung quản trị theo logic: yêu cầu chất lượng → nhận diện rủi ro → điểm kiểm soát → chức năng và trách nhiệm của con người → quyết định → sử dụng → phản hồi → cải tiến và tái thẩm định.

Bảng 3. Khung quản trị bảo đảm chất lượng theo vòng đời

Giai đoạn	Trọng tâm	Rủi ro cần xem xét	Điểm kiểm soát và vai trò của con người	Quyết định
1. Xác định nhu cầu	Mục tiêu, đối tượng, chuẩn đầu ra	Xác định sai nhu cầu do phụ thuộc vào AI	Điểm 1: giảng viên/chuyên gia kiểm tra sự phù hợp; khi liên quan chuẩn đầu ra, có thể cần chủ thể phụ trách chương trình	Điều chỉnh / xác nhận
2. Tạo lập/ điều chỉnh với AI	Nội dung, ngôn ngữ, cấu trúc	Thông tin sai, thiên lệch, thiếu nhất quán	Điểm 2: người tạo lập kiểm tra đầu ra; đầu ra rủi ro cao chuyển thẩm định	Giữ / sửa / loại / chuyển thẩm định
3. Thẩm định	Nội dung, sự phạm, ngôn ngữ - văn hóa	Lỗi khó phát hiện; phụ thuộc quá mức vào AI	Điểm 3: chuyên gia thẩm định theo tiêu chí xác định	Đạt / sửa / không đạt
4. Phê duyệt và công bố	Tinh mở, pháp lý, nguồn gốc	Vi phạm bản quyền hoặc giấy phép	Điểm 4: chủ thể có thẩm quyền phê duyệt dựa trên kết quả thẩm định và điều kiện công bố	Công bố / sửa / từ chối
5. Sử dụng	Phù hợp thực tế, tiếp cận và sử dụng	Vấn đề chưa phát hiện trong phát triển	Điểm 5: giảng viên/người sử dụng ghi nhận vấn đề phát sinh	Tiếp tục / điều chỉnh / chuyển xem xét
6. Phản hồi và giám sát	Chất lượng thực tế và phản hồi	Lỗi lặp lại hoặc vấn đề mới	Điểm 6: phụ trách học liệu phân loại phản hồi; vấn đề đáng kể chuyển thẩm định	Giữ / sửa / chuyển thẩm định
7. Cải tiến và tái thẩm định	Chất lượng phiên bản mới	Rủi ro phát sinh từ thay đổi	Điểm 7: thẩm định thay đổi có ý nghĩa; phê duyệt lại khi thay đổi ảnh hưởng mục tiêu, nội dung cốt lõi, đánh giá, pháp lý hoặc công bố	Phê duyệt / sửa / từ chối

Ma trận cho thấy chức năng con người thay đổi theo giai đoạn: kiểm tra nhu cầu và đầu ra AI, thẩm định, phê duyệt, ghi nhận phản hồi và kiểm soát thay đổi. Điểm 5 phát hiện vấn đề khi sử dụng, Điểm 6 phân loại phản hồi; tái phê duyệt ở Điểm 7 chỉ cần khi thay đổi tạo rủi ro đáng kể hoặc ảnh hưởng thuộc tính đã phê duyệt.

4.5. Phân bổ trách nhiệm và khả năng truy nguyên

Để khung vận hành, cần phân định chức năng và thẩm quyền. Giảng viên chịu trách nhiệm chủ yếu về mục tiêu, nội dung và tính phù hợp sư phạm; chuyên gia có thể thẩm định ngôn ngữ, văn hóa, bản quyền và khả năng tiếp cận. Đơn vị chuyên môn và cơ sở giáo dục thiết lập yêu cầu, quy trình phê duyệt, thẩm quyền và giám sát.

Cần bảo đảm người thẩm định có năng lực, người phê duyệt có thẩm quyền và quyết định quan trọng có thể truy nguyên. Hồ sơ cần lưu nguồn nội dung, phạm vi AI tham gia, thay đổi quan trọng, chủ thể thẩm định, phiên bản được phê duyệt và cơ sở quyết định. Những thông tin này hỗ trợ minh bạch, xử lý sai sót, phân định trách nhiệm và tái thẩm định, nhất là với OER tiếp tục được chỉnh sửa và phân phối.

4.6. Thảo luận: từ khả năng của AI đến giới hạn quyền quyết định

Khả năng tự động hóa không đồng nghĩa với việc nên giao quyết định cho AI. AI có thể hỗ trợ tạo, điều chỉnh, tái cấu trúc và phân tích học liệu ở quy mô lớn; tuy nhiên, xác định mức độ phù hợp với chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo, yêu cầu chuyên môn và điều kiện công bố

vẫn cần phán đoán chuyên môn và trách nhiệm thể chế. Khung xác định ranh giới giữa chức năng AI có thể hỗ trợ và quyết định thuộc trách nhiệm con người, với mức kiểm soát tương ứng rủi ro để tránh buông lỏng quyết định quan trọng hoặc tạo chi phí không cần thiết cho tác vụ rủi ro thấp.

V. Kết luận

Giáo dục mở kết hợp AI tạo sinh mở rộng khả năng phát triển, điều chỉnh và tái sử dụng học liệu tiếng Anh, đồng thời làm tăng yêu cầu bảo đảm chất lượng. Chất lượng cần được xem xét đa chiều, theo mục đích và bối cảnh, xuyên suốt vòng đời, chứ không chỉ dựa vào độ chính xác của đầu ra AI.

Đóng góp chính là khung quản trị kết nối yêu cầu chất lượng, rủi ro AI, điểm kiểm soát và trách nhiệm, quyền quyết định của con người. Mức can thiệp cần dựa trên tính chất nhiệm vụ, khả năng sai sót và hậu quả. Quyết định về chất lượng học thuật, sư phạm, ngôn ngữ - văn hóa, bản quyền và công bố cần gắn với chủ thể đủ năng lực và thẩm quyền.

Bảo đảm chất lượng cần tiếp tục sau công bố qua chu trình sử dụng → phản hồi → cải tiến → tái thẩm định; đồng thời lưu nguồn, thay đổi, phiên bản và quyết định kiểm soát để hỗ trợ minh bạch, truy nguyên.

Khung mới ở cấp độ khái niệm và định hướng quản trị, chưa được kiểm định về tính khả thi, chi phí hoặc tác động đến chất lượng học liệu. Đây là cơ sở cho nghiên cứu thẩm định và thử nghiệm tiếp theo, không phải mô hình đã được xác nhận cho mọi bối cảnh.

Tài liệu tham khảo

- Baas, M., Van der Rijst, R., Huizinga, T., Van den Berg, E., & Admiraal, W. (2022). Would you use them? A qualitative study on teachers' assessments of open educational resources in higher education. *The Internet and Higher Education*, 54, 100857.
<https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2022.100857>
- Camilleri, A. F., Ehlers, U. D., & Pawlowski, J. (2014). *State of the art review of quality issues related to open educational resources (OER)* (EUR 26624). Publications Office of the European Union.
<https://doi.org/10.2791/80171>
- Crompton, H., Edmett, A., Ichaporia, N., & Burke, D. (2024). AI and English language teaching: Affordances and challenges. *British Journal of Educational Technology*, 55(6), 2503-2529. <https://doi.org/10.1111/bjet.13460>
- Hsieh, H.-F., & Shannon, S. E. (2005). Three approaches to qualitative content analysis. *Qualitative Health Research*, 15(9), 1277-1288.
<https://doi.org/10.1177/1049732305276687>
- Huang, Q., Lv, C., Lu, L., & Tu, S. (2025). Evaluating the quality of AI-generated digital educational resources for university teaching and learning. *Systems*, 13(3), 174.
<https://doi.org/10.3390/systems13030174>
- Jeon, J., & Lee, S. (2023). Large language models in education: A focus on the complementary relationship between human teachers and ChatGPT. *Education and Information Technologies*, 28(12), 15873-15892.
<https://doi.org/10.1007/s10639-023-11834-1>
- Ji, H., Han, I., & Ko, Y. (2023). A systematic review of conversational AI in language education: Focusing on collaboration with human teachers. *Journal of Research on Technology in Education*, 55(1), 48-63.
<https://doi.org/10.1080/15391523.2022.2142873>
- Lê, T. M. T. (2026). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phát triển học liệu ngoại ngữ mở: Tiếp cận từ chiến lược phát triển của Trường Đại học Mở Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 17A, 241-250.
<https://doi.org/10.59266/houjs.2026.1368>
- Lee, S., Jeon, J., McKinley, J., & Rose, H. (2025). Generative AI and English language teaching: A global Englishes perspective. *Annual Review of Applied Linguistics*, 45, 85-108.
<https://doi.org/10.1017/S0267190525100184>
- Memarian, B., & Doleck, T. (2024). Human-in-the-loop in artificial intelligence in education: A review and entity-relationship (ER) analysis. *Computers in Human Behavior: Artificial Humans*, 2(1), 100053. <https://doi.org/10.1016/j.chbah.2024.100053>
- Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO.
<https://doi.org/10.54675/EWZM9535>
- Nguyen, A. T. H., Truong, A. T., và Nguyen, G. H. (2022). Recommendations to optimize the use of open educational resources in Vietnamese higher education context. *Vietnam Journal of Education*, 6(3), 216-224.
<https://doi.org/10.52296/vje.2022.211>
- UNESCO. (2019). *Recommendation on open educational resources (OER)*.
<https://www.unesco.org/en/legal-affairs/recommendation-open-educational-resources-oer>

- UNESCO & Commonwealth of Learning. (2015). *Guidelines for open educational resources (OER) in higher education*.
<https://www.unesco.org/en/articles/guidelines-open-educational-resources-oer-higher-education>
- Whittemore, R., & Knafl, K. (2005). The integrative review: Updated methodology. *Journal of Advanced Nursing*, 52(5), 546-553.
<https://doi.org/10.1111/j.1365-2648.2005.03621.x>
- Wiley, D., & Hilton, J. L., III. (2018). Defining OER-enabled pedagogy. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 19(4), 133-147.
<https://doi.org/10.19173/irrodl.v19i4.3601>

QUALITY ASSURANCE OF AI-SUPPORTED OPEN ENGLISH LANGUAGE LEARNING MATERIALS IN HIGHER EDUCATION: A HUMAN-IN-THE-LOOP GOVERNANCE APPROACH

Vu Thi Yen Nga¹

Abstract: *This study proposes a quality assurance governance framework for AI-supported open English language learning materials in higher education, focusing on quality requirements, control points, and human responsibility throughout the materials lifecycle. It combines an integrative literature review with directed content analysis to synthesize evidence on OER quality, AI-related risks, and human roles. The findings identify five quality dimensions-openness and legality; academic and content quality; pedagogical suitability; language and cultural appropriateness; and accessibility and usability-alongside a cross-cutting layer of AI-related risks. The proposed framework comprises seven lifecycle stages, control points, and three human functions: checking, validation, and decision-making authority. It emphasizes risk-based governance, clear allocation of responsibility, traceability, and continuous improvement. The framework remains conceptual and requires empirical validation.*

Keywords: *AI, educational governance, higher education, open English language learning materials, quality assurance*

¹ Academy of Public Administration and Governance, Hanoi, Vietnam